

Số: 1949/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi
“Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài
Đợt 1, ngày 26-28/7/2023” tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Thông tư 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định 2135/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy trình tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Thông báo số 1308/TB-ĐHSP ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài Đợt 1, ngày 26-28/7/2023;

Căn cứ vào Quyết định số 1773/QĐ-ĐHSP ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ thi của người nước ngoài đăng kí dự thi kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 1, ngày 26-28/7/2023” tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc xét duyệt hồ sơ thi của người nước ngoài đăng kí dự thi kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng



lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 1, ngày 26-28/7/2023” tại Trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế và đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 1, ngày 26-28/7/2023”. Cụ thể như sau:

- Tổng số ứng viên đăng kí tham gia kì thi: 73 ứng viên.
- Tổng số thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi: 73 thí sinh (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng thi và các Ban giúp việc cho Hội đồng tổ chức kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 1, ngày 26-28/7/2023” đối với 73 thí sinh đủ điều kiện tại Điều 1 theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm HTQT-ĐTTV, Hội đồng thi, các Ban giúp việc cho Hội đồng và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

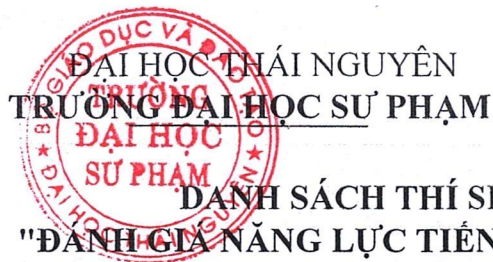
Nơi nhận: Quản

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, TT HTQT-ĐTTV (3).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Mai Xuân Trường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA KÌ THI
"ĐẠI GIA NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐỢT 1, NGÀY 26-28/7/2023"**

(Kèm theo Quyết định số: 1949/QĐ-ĐHSP ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
1	230001	JOÃO ABUBACAR	18/09/2002	Nam	AB0837914	Mô-Dăm-Bích
2	230002	SOULISACK ALIKAR	08/10/2004	Nữ	PA 0448743	Lào
3	230003	PHOSALATH ALING	16/02/2005	Nữ	PA 0456889	Lào
4	230004	ATARBAYAN ALTANBAGANA	28/05/2002	Nữ	E 2828710	Mông Cổ
5	230005	NIBILE AMINA LÍVIO	02/09/2002	Nữ	AB0802236	Mô-Dăm-Bích
6	230006	PARAFINO ANGELINA LUIS	28/11/2001	Nữ	AB0828996	Mô-Dăm-Bích
7	230007	NYAMSUREN BATZOOJ	11/01/2000	Nam	E 3179539	Mông Cổ
8	230008	MOKA BÁRBARA MAURÍCIO EDUARDO	29/03/2002	Nữ	AB0842464	Mô-Dăm-Bích
9	230009	NARSUMBER BATZORIG	09/08/2002	Nam	E 3019498	Mông Cổ
10	230010	GANTUMUR BUJINLKHAM	17/06/2003	Nữ	E 2982071	Mông Cổ
11	230011	DOVCHIN BYAMBAJAV	08/03/2003	Nam	E 3006256	Mông Cổ
12	230012	NAPIDO DANILO DOMINGOS DOS SANTOS	08/06/2001	Nam	AB1058387	Mô-Dăm-Bích
13	230013	VONGSENGKEO DAOVISONE	07/09/2002	Nữ	PA 0372288	Lào
14	230014	MARINGUE DIANA HERCULANO	16/03/2001	Nữ	AB0724896	Mô-Dăm-Bích
15	230015	PHARANHOK DUANGPHATHIP	14/02/2005	Nữ	P 2387006	Lào
16	230016	GALKHUU GAN-ERDENE	16/11/2003	Nữ	E 2954684	Mông Cổ
17	230017	ODONCHIMEG GANJARGAL	21/11/2003	Nữ	E 2952598	Mông Cổ
18	230018	SILIPHONG HATSADY	08/07/2004	Nữ	PA 0441320	Lào
19	230019	BAI, HUILIN	18/11/1998	Nữ	EC6930760	Trung Quốc
20	230020	THONGKHAMMEUNG INGKHAM	07/04/1984	Nữ	P 2404815	Lào
21	230021	SIPASEUTH ITTHIPHON	13/10/1995	Nam	PA 0380376	Lào
22	230022	VONGVISITH KETSANA	02/09/2004	Nữ	P 2223821	Lào
23	230023	CHAMPASY KHAMDY	02/11/2002	Nam	P 2416601	Lào
24	230024	VILAYPHONE KHOUANTHONG	12/11/2002	Nam	PA 0460952	Lào
25	230025	HEUANGSOMBAT KOYMAN	02/11/2003	Nữ	PA 0442042	Lào
26	230026	SONEVILAI LA	06/01/2002	Nam	PA 0469758	Lào
27	230027	MANGUELE LAURA PEDRO CHITOLO	11/05/2001	Nữ	15AN58931	Mô-Dăm-Bích
28	230028	GANBAT LKHAGVABAYAR	16/07/2003	Nữ	E 2970306	Mông Cổ
29	230029	ENKHTAIVAN LKHAM	29/06/2004	Nữ	E 2955221	Mông Cổ
30	230030	USSENE LÚCIA FERNANDO SIASSE	11/09/2001	Nữ	AB0834594	Mô-Dăm-Bích
31	230031	GOVENE MARTA MÁRIO	01/06/2002	Nữ	AB0848074	Mô-Dăm-Bích
32	230032	SOUVANDEE MEENA	03/03/2003	Nữ	PA 0464330	Lào
33	230033	SAMUEL MILDRED CLÁUDIO	14/10/2002	Nữ	AB0858285	Mô-Dăm-Bích
34	230034	BOUNLAILUT NET	01/03/2002	Nam	PA 0469757	Lào
35	230035	LKHAGVASUREN NYAMSUREN	14/08/1998	Nữ	E 2548944	Mông Cổ
36	230036	SINGKHAOPHET OLAY	28/06/1991	Nam	P 2525453	Lào
37	230037	KHAMINNA ONSADONE	10/10/2003	Nam	PA 0469759	Lào
38	230038	KHOUNLAMPHAN PANATDA	26/05/2005	Nữ	PA 0462656	Lào
39	230039	FICHITTHAVONG PANYASITH	23/03/2005	Nam	P 2424988	Lào
40	230040	PHUTTHASONE PHAILIDETH	10/12/2000	Nam	P 2383942	Lào
41	230041	VONGPHAXAY PHAKPHOUM	11/10/2004	Nam	PA 0441070	Lào
42	230042	INTHAKOUMMAN PHANPHASONE	18/02/2005	Nữ	PA 0450301	Lào
43	230043	CHANTHANIT PHATSALIN	04/04/1993	Nữ	PA 0444045	Lào
44	230044	SACKDAVONG PHETPASA	24/11/2004	Nam	PA 0319794	Lào
45	230045	LOUANGLATH PHETSAMONE	12/04/2004	Nữ	P 2424124	Lào
46	230046	XAIYACHACK PHONETHIDA	27/01/2001	Nữ	P 2677605	Lào

M. Am

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
47	230047	LARCHANPHET	PHONEXAY	10/07/1991	Nam	P 1457829	Lào
48	230048	KEOBOUNHEUANG	PHOUVIENG	03/05/2002	Nữ	PA 0445112	Lào
49	230049	BATSUKH	RINCHINBAT	16/12/2002	Nam	E 2886763	Mông Cổ
50	230050	VIDAPHONE	SANDY	22/03/2003	Nam	PA 0374603	Lào
51	230051	XIAMAI	SENGDAOXIONG	12/08/2002	Nam	PA 0458944	Lào
52	230052	SIVILAY	SENGMANY	19/06/2004	Nữ	PA 0376249	Lào
53	230053	BOUAYENGXONG	SIPHONE	10/12/2003	Nam	PA 0469483	Lào
54	230054	KEOVONGSA	SOMEKEO	22/02/1990	Nam	P 1576276	Lào
55	230055	SOUKVONGSAK	SOMSODACHAN	23/08/2004	Nữ	P 2400202	Lào
56	230056	NOMANISONE	SONEKHAM	15/01/1986	Nam	P 2461260	Lào
57	230057	KEOVILAY	SONEPHET	30/08/1988	Nam	PA 0435958	Lào
58	230058	SIKHAMLA	SOUKKITTA	08/05/1984	Nam	P 1542553	Lào
59	230059	BANNAVONG	SOUKSAVANH	16/06/2005	Nam	PA 0402852	Lào
60	230060	SOUVANNALACK	SOULAXAY	22/03/1996	Nam	PA 0469486	Lào
61	230061	SAIKHAMMUAN	SOUVANHSAY	05/09/1986	Nam	P 2379735	Lào
62	230062	ARIUNJARGAL	TERGEL	10/04/2003	Nữ	E2831709	Mông Cổ
63	230063	VONGSA	THANAVANH	12/09/2005	Nữ	P 2391046	Lào
64	230064	CHANTHAOUDOM	THANONGLITH	15/10/2003	Nam	PA 0372176	Lào
65	230065	VANSILALOM	THIPPHAVIENG	09/10/1996	Nữ	P 1971870	Lào
66	230066	OYUN-ERDENE	TSERMAA	15/08/2003	Nữ	E 2954335	Mông Cổ
67	230067	BAT-ERDENE	UDVAL	18/11/2003	Nữ	E 2856333	Mông Cổ
68	230068	HEUANGVILAY	VATSANA	01/05/2004	Nữ	PA 0312832	Lào
69	230069	ALOUN	VERNKHAM	10/01/2005	Nam	P 2420984	Lào
70	230070	VILAYPHONE	VIENGSAI	23/07/1988	Nam	P 1817052	Lào
71	230071	DOUANGNGEUN	VILAYKHAM	14/02/2004	Nữ	PA 0458166	Lào
72	230072	SAYKHAMMY	VIPHAKONE	20/07/2004	Nam	PA 0466172	Lào
73	230073	BOUNVIHAN	XAYHAR	04/11/2002	Nam	PA 0465305	Lào

Danh sách gồm 73 thí sinh./.

V. Qu